

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

Quán triệt thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 39), Ban Thường vụ Thành ủy xây dựng Kế hoạch cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

2. Phân công rõ trách nhiệm cơ quan, đơn vị cụ thể triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, đồng thời tăng cường kiểm tra, đôn đốc thực hiện. Cụ thể hóa thành những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, khả thi của địa phương, đơn vị, tạo bước chuyển biến mới về nhận thức và hành động, nỗ lực phấn đấu thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ giải pháp giai đoạn đến năm 2025, đến năm 2035 và đến năm 2045.

3. Huy động và phát huy tối đa mọi nguồn lực phát triển Thủ đô tương xứng với vai trò là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế, một động lực phát triển của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

- Quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng và phát huy có hiệu quả các nguồn lực của Thành phố là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và mọi tầng lớp Nhân dân Thủ đô.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của Thành phố là yêu cầu cấp bách trong tình hình hiện nay để khắc phục các tồn tại, yếu kém, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô.

- Đa dạng hoá các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực cho phát triển. Đẩy mạnh kinh tế hoá nguồn vật lực, trong đó tập trung vào nguồn lực tài nguyên thiên nhiên.

Tập trung khai thác tối đa tiềm năng khoa học và công nghệ cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Kiểm kê, đánh giá đầy đủ, thực chất các nguồn lực của Thành phố là cơ sở quan trọng để xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn trong từng thời kỳ. Tất cả các nguồn lực phải được kiểm kê đánh giá, thống kê, hạch toán đầy đủ, đúng đắn; được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phát triển bền vững.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát đối với việc khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, cạn kiệt nguồn lực và hủy hoại môi trường.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của Thành phố nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô nhanh và bền vững, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, cải thiện đời sống Nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần quan trọng sớm hoàn thành công nghiệp hóa Thủ đô, góp phần đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, tiến tới trở thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Đối với nguồn nhân lực

- *Đến năm 2025*: Tỷ lệ lao động làm việc đã qua đào tạo đạt từ 75-80%. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 12%. Khắc phục cơ bản tình trạng mất cân đối cung - cầu nhân lực trên địa bàn Thành phố; thiết lập hệ thống sắp xếp công việc dựa trên vị trí việc làm, củng cố hệ thống chức nghiệp thực tài.

- *Đến năm 2035*: Tỷ lệ lao động làm việc đã qua đào tạo đạt từ 80-85%. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 10%. Phát triển năng lực đổi mới sáng tạo, có đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ, chuyên gia đầu ngành tương đương trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực.

- *Đến năm 2045*: Tỷ lệ lao động làm việc đã qua đào tạo đạt từ 85-90%. Duy trì tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 7%. Năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của nhân lực Thủ đô đạt mức trung bình trở lên so với các nước ASEAN-4.

b) Đối với nguồn vật lực

- *Đến năm 2025*

+ Triển khai đồng bộ cơ chế, chính sách, công cụ thúc đẩy quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản phù hợp với thực tế quy mô và hiệu quả đầu tư. Xây dựng mới và duy trì vận hành mạng lưới trạm quan trắc tài nguyên môi trường hiện có.

+ Xây dựng thủ đô Hà Nội xanh, sạch, đẹp, văn minh. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng đô thị được cải tạo và xây dựng đồng bộ, hiện đại, có tính lan tỏa, liên kết vùng, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thành dứt điểm các công trình có tính chất cấp bách, trọng tâm, trọng điểm, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô, nâng cấp hạ tầng kết nối giữa các huyện, thị xã và kết cấu hạ tầng đô thị.

- Đến năm 2035

+ Triển khai hiệu quả các công cụ điều tiết thị trường quyền sử dụng đất theo quy định, bảo đảm khoảng 99% diện tích đất tự nhiên được đưa vào khai thác, sử dụng. Kiểm soát tình hình ô nhiễm nguồn nước; phục hồi 25% diện tích hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái. Hoàn thiện hệ thống mạng quan trắc tài nguyên, môi trường của Thành phố theo hướng tự động hoá. Hoàn thành việc xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường và hệ thống thông tin giám sát tài nguyên của Thành phố.

+ Bảo đảm hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận tiện, nhanh chóng giữa các quận, huyện, thị xã và đến các tỉnh, thành phố lân cận.

- Đến năm 2045

+ Chủ động ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

+ Hoàn thiện cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối thông suốt, tương đương với Thủ đô của các nước phát triển.

c) Đối với nguồn tài lực

- Đến năm 2025

+ Duy trì nền tài chính Thành phố minh bạch, bền vững, đảm bảo các cân đối lớn của kinh tế Thủ đô.

+ Về thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn: Tập trung đẩy mạnh quản lý, nuôi dưỡng và khai thác các nguồn thu trên địa bàn (đặc biệt các nguồn thu mang tính chất ổn định, bền vững như từ thuế, phí,...), tăng dần tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu NSNN (trong đó, tỷ trọng thu nội địa chiếm trên 90% tổng thu NSNN trên địa bàn).

+ Về chi ngân sách địa phương: từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, phấn đấu duy trì tỷ trọng chi thường xuyên ở mức khoảng 50% tổng chi ngân sách địa phương; tập trung nguồn lực, bố trí chi đầu tư phát triển từ NSNN ở mức hợp lý, nâng cao vai trò định hướng trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy mạnh mẽ các hình thức đầu tư ngoài NSNN để tăng nguồn lực đầu tư toàn xã hội; kết hợp với nâng cao chất lượng quản lý đầu tư để tăng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách.

+ Về nợ công: sử dụng nợ công phải phát huy hiệu quả, đảm bảo mức dư nợ vay của ngân sách Thành phố trong giới hạn an toàn theo quy định để dành cho đầu

tư các dự án trọng điểm trên địa bàn; đảm bảo cân đối nguồn lực để chi trả nợ đầy đủ các khoản gốc, lãi, phí và chi phí khác liên quan đến khoản vay khi đến hạn.

+ Hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước; hoàn thành di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, cơ sở phải di dời theo quy hoạch đã được phê duyệt trên địa bàn Thành phố.

+ Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội đạt 50%; Tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 40%; Quyết liệt giảm tỷ lệ nợ bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) xuống dưới mức bình quân cả nước.

- Đến năm 2035

+ Đảm bảo duy trì tỷ trọng thu nội địa chiếm trên 90% tổng thu NSNN trên địa bàn.

+ Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội đạt 70%; Tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 50%; Tỷ lệ nợ BHXH, BHYT, BHTN thấp hơn mức bình quân cả nước.

- Đến năm 2045

+ Đảm bảo duy trì tỷ trọng thu nội địa chiếm trên 90% tổng thu NSNN trên địa bàn.

+ Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội đạt 80%; Tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 60%; Tỷ lệ nợ BHXH, BHYT, BHTN thấp hơn mức bình quân cả nước.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

1.1. Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách để giải phóng tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn lực của Thành phố.

1.2. Đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển từ chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên, vốn đầu tư và lao động sang sử dụng tổng hợp, có hiệu quả các nguồn lực của Thành phố; nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững của kinh tế Thủ đô.

1.3. Tập trung các nguồn lực phát triển những sản phẩm có lợi thế so sánh, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng cao và có thị trường tiêu thụ. Đổi mới cơ cấu thành phần kinh tế theo hướng bảo đảm cạnh tranh công bằng, bình đẳng, tôn trọng tính phổ biến hơn là nhấn mạnh tính đặc thù; định vị vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước tập trung vào định hướng, dẫn dắt và thực hiện những dịch vụ công, đầu tư các dự án trọng điểm của Thành phố mà các thành phần kinh tế khác không đủ năng lực hoặc không có nhu cầu đầu tư.

1.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp và năng lực tự chủ, đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã

hội trên cơ sở tăng cường năng lực phân tích, đánh giá, dự báo trên các lĩnh vực. Thực hiện công khai, minh bạch, bình đẳng và dân chủ hoá đời sống kinh tế - xã hội. Kiểm soát tốt quyền lực, đề cao trách nhiệm giải trình và đạo đức công vụ. Có các giải pháp ngăn chặn hành vi cửa quyền, độc quyền; cơ chế xin - cho; lợi ích nhóm; đẩy lùi tham nhũng, góp phần củng cố lòng tin của các nhà đầu tư, doanh nghiệp và toàn xã hội.

1.5. Chủ động nắm bắt cơ hội, tận dụng tối đa thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô. Trước mắt cần nghiên cứu thấu đáo nội hàm, phương thức vận hành và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; định hướng nhiệm vụ, giải pháp thực hiện cụ thể vào một số ngành, lĩnh vực, địa bàn để chủ động hội nhập và hoà chung vào dòng chảy của cuộc cách mạng công nghiệp này.

1.6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chia sẻ thông tin về các nguồn lực của Thành phố để sử dụng tối ưu và hiệu quả; phân phối, chia sẻ và tái sử dụng có hiệu quả các nguồn lực dư thừa, làm gia tăng giá trị các nguồn lực.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đối với từng nguồn lực

2.1. Đối với nguồn nhân lực

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực Thủ đô

- Tuyên truyền sâu rộng, nâng cao nhận thức, thực hiện tốt chủ trương coi giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá, hội nhập quốc tế, phát triển giáo dục - đào tạo gắn với phát triển khoa học và công nghệ.

Xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của cả nước, tiến tới là trung tâm khoa học và công nghệ của khu vực Đông Nam Á trong một số lĩnh vực. Tăng cường kết nối, phát huy có hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia trong việc tháo gỡ, giải quyết các thách thức của Thành phố; tập trung huy động đội ngũ trí thức, chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu ở các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng... trên địa bàn cùng vào cuộc, đồng hành vì sự phát triển Thủ đô. Đổi mới chính sách thu hút, đào tạo, đãi ngộ và sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ trên địa bàn, nhất là đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; đồng thời thu hút sự tham gia của các nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài, các nhà khoa học quốc tế.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu thị trường lao động. Khắc phục triệt để “bệnh thành tích” và những tiêu cực trong giáo dục, đào tạo; khắc phục tâm lý và hiện tượng quá coi trọng và đề cao “Bằng cấp”, “Chứng chỉ” một cách hình thức trong tuyển dụng và đánh giá nhân lực.

- Đổi mới công tác quản lý và phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng, xã hội, nghề nghiệp... trong phát triển nguồn

nhân lực. Phát triển mạnh hệ thống thông tin đại chúng, mở rộng cơ hội và tăng cường năng lực cho người dân tiếp cận thông tin, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí, có cuộc sống tinh thần lành mạnh nhằm nhanh chóng tái tạo, phát triển năng lực làm việc và khả năng sáng tạo của mỗi người.

b) Đổi mới công tác quản lý, sử dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực

- Đổi mới căn bản, toàn diện công tác quản lý, sử dụng nguồn nhân lực: Đẩy mạnh quá trình trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị, tổ chức sự nghiệp công lập trong quản lý, sử dụng nhân lực. Cải thiện điều kiện, môi trường lao động để tạo động lực, khuyến khích lao động hiệu quả, sáng tạo.

- Tăng cường hiệu quả công tác đánh giá nguồn nhân lực: Khẩn trương xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, thực hiện trả lương theo vị trí việc làm, gắn với kết quả hoạt động công vụ và hiệu suất làm việc, bảo đảm cán bộ, công chức đủ sống bằng lương và từng bước có tích lũy. Xây dựng tiêu chuẩn, quy trình đánh giá nhân lực dựa trên năng lực đóng góp, kết quả, năng suất lao động thực tế, thực hiện chế độ đãi ngộ tương xứng với trình độ, năng lực và kết quả công việc.

- Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực: Hình thành các trường dạy nghề chất lượng cao đạt đẳng cấp quốc tế và khu vực. Phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề theo hướng xã hội hoá. Gắn đào tạo nghề với phát triển các ngành, lĩnh vực, đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu, mục tiêu của doanh nghiệp. Tiếp tục đầu tư, hiện đại hoá, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục năng khiếu trong giáo dục phổ thông. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư, đóng góp về tài chính, nhân lực, vật lực xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục năng khiếu.

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, nhà khoa học, trí thức trẻ và chế độ đãi ngộ với cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị Thành phố. Phối hợp với các trường Đại học, Cao đẳng đóng trên địa bàn Thành phố để chủ động tuyển chọn những sinh viên đạt kết quả xuất sắc về làm việc trong các cơ quan của Thành phố theo chuyên ngành được đào tạo. Nghiên cứu xây dựng chương trình và lựa chọn cán bộ cử đi đào tạo nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, kiến thức chuyên sâu ở trong và ngoài nước, tạo nguồn cán bộ đáp ứng yêu cầu quản lý theo mô hình chính quyền đô thị, thành phố thông minh.

c) Phát triển thị trường lao động hoạt động hiệu quả

- Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách chính sách tiền lương để tiền lương trở thành động lực thúc đẩy tăng năng suất lao động, động viên người lao động cống hiến và phát huy khả năng sáng tạo.

- Phát triển thông tin thị trường lao động, hoàn thiện hệ thống giao dịch chính thức trên thị trường lao động: nâng cao chất lượng hoạt động của sàn giao dịch việc làm Thành phố; thiết lập hệ thống thông tin, thống kê thị trường lao động thống nhất từ Thành phố đến quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn.

- Tổ chức tốt công tác mạng lưới dịch vụ cung ứng lao động, giao dịch, tìm hiểu và giới thiệu việc làm. Ngoài ra đối với khu vực nông thôn cần cải thiện và làm tốt công tác dịch vụ kỹ thuật, cung ứng vật tư và khai thông thị trường cho các sản phẩm và dịch vụ. Thành phố xây dựng ngân hàng dữ liệu về cung và cầu sức lao động và cung cấp những thông tin cần thiết, kịp thời cho các quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn và Nhân dân về vấn đề này. Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, các khu công nghiệp, từng bước hình thành và phát triển thị trường sức lao động, tổ chức, quản lý tốt và có hiệu quả thị trường đặc biệt này.

- Nâng cao tỷ lệ thời gian lao động được sử dụng trong nông thôn. Tạo sức hút lao động - dân cư ngay tại địa bàn nông thôn.

2.2. Đối với nguồn vật lực

a) Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

- Nâng cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong việc quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên. Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống. Quản lý chặt chẽ đầu tư mới gắn với xử lý đồng bộ về môi trường; khuyến khích, hỗ trợ những ngành, doanh nghiệp có phương án khai thác, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất.

- Đối với nguồn tài nguyên khoáng sản: Đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp cụ thể hoá quan điểm kinh tế hoá tài nguyên khoáng sản. Điều tra, đánh giá đầy đủ tiềm năng, trữ lượng tài nguyên khoáng sản. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản và quản lý môi trường, tiến tới đấu thầu quyền khai thác mỏ, hoạt động khai thác và một số hoạt động phụ trợ khai thác mỏ. Xử lý nghiêm việc khai thác tài nguyên không phép, trái phép.

- Đối với tài nguyên đất: Đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai; thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả. Nghiên cứu, đề xuất, thực hiện cơ chế nhằm tích tụ tập trung ruộng đất để cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển các vùng thâm canh, chuyên canh nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao; phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Đối với đất nông nghiệp, triển khai lập quy hoạch những vùng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao và đầu tư hệ thống hạ tầng hiện đại để phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao kết hợp du lịch. Rà soát diện tích đất và tình hình đất đã giao cho các chủ sử dụng, nhất là các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước quy mô lớn. Xử lý triệt để bất cập trong quản lý, sử dụng đất của các công ty nông, lâm nghiệp, nhất là tình trạng lấn chiếm, chuyển nhượng, chuyển mục đích, cho thuê, cho mượn, giao khoán trái pháp luật. Kiên quyết thu hồi đất đã giao nhưng không triển khai thực hiện đúng thời gian quy định. Quản lý chặt chẽ việc phê duyệt các dự án, tránh đầu tư tràn lan, không hiệu quả, tránh hiện tượng “quy hoạch treo”, “dự án treo” gây lãng phí tài nguyên đất. Rà soát quỹ đất hoang hóa, bỏ không,

kém hiệu quả để đề xuất sử dụng có hiệu quả, tránh lãng phí. Chuẩn bị quỹ đất để thực hiện đầu giá, tạo nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng, các công trình dân sinh thiết yếu và hạ tầng các khu đô thị vệ tinh.

- Đối với tài nguyên rừng: Tiếp tục nâng cao tỷ lệ che phủ rừng và chất lượng rừng. Triển khai quyết liệt các giải pháp ngăn chặn tình trạng cháy rừng và chặt phá rừng. Đẩy mạnh giao đất, giao rừng, nâng cao thu nhập và đời sống người làm lâm nghiệp. Thiết lập và quản lý có hiệu quả hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định.

- Đối với tài nguyên nước: Đánh giá tiềm năng nước mặt và nước ngầm. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành cấp nước có tính tới tác động của biến đổi khí hậu. Triển khai thực hiện các giải pháp lưu giữ và sử dụng tiết kiệm các nguồn nước. Ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm hành vi gây ô nhiễm nguồn nước. Tăng cường năng lực dự báo thiên tai, biến đổi khí hậu để chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại.

- Đối với cây trồng, vật nuôi: Chuyên đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đa dạng hoá nguồn lực phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Đối với nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội

- Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, đặc biệt là các lĩnh vực: hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian ngầm, các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp..., coi đây là giải pháp đột phá để thực hiện các mục tiêu bảo đảm hoàn thiện cơ sở vật chất và hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai các dự án theo hình thức đầu tư PPP; đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án ODA, FDI theo quy định. Thực hiện có hiệu quả Chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo xu hướng công nghệ mới, hiện đại, trong đó tập trung vào phát triển mạng viễn thông 4G, thử nghiệm mạng 5G. Tiếp tục triển khai Quy hoạch và khai thác có hiệu quả hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Đẩy mạnh tái cơ cấu đầu tư, tập trung triển khai thực hiện tốt các kế hoạch đầu tư công trung hạn, dài hạn theo quy định. Từng bước điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng giảm dần tỷ trọng đầu tư ngân sách nhà nước, chỉ tập trung vốn đầu tư nhà nước phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu, không có khả năng thu hồi vốn hoặc mức độ thu hồi vốn thấp, rủi ro cao, dịch vụ công quan trọng, một số ngành sản xuất then chốt, chủ đạo và những lĩnh vực mà tư nhân không thể hoặc chưa thể thực hiện. Phát huy vai trò định hướng của đầu tư ngân sách nhà nước, là vốn môi để thu hút nguồn vốn đầu tư xã hội.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư, chống lãng phí, thất thoát trong đầu tư, đặc biệt là đầu tư từ ngân sách nhà nước. Tiếp tục thực hiện nguyên tắc đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phát huy vai trò tác động kích thích, thúc đẩy trong phát

triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội của các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước và có nguồn gốc ngân sách. Lập danh mục các công trình ưu tiên, trọng điểm trong từng lĩnh vực để tập trung nguồn lực hoàn thành đúng tiến độ. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm bảo đảm việc huy động, sử dụng nguồn vốn đầu tư công đúng mục đích, hiệu quả, xử lý nghiêm các vi phạm gây tổn thất, lãng phí. Rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, kiên quyết chấm dứt đầu tư đối với các dự án kém hiệu quả, thiếu tính khả thi để tập trung đầu tư cho các công trình và dự án cấp bách khác.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt đối với các vấn đề liên quan đến bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội và môi trường. Làm rõ vai trò, trách nhiệm của các ngành chức năng, nhất là người đứng đầu trong xây dựng, quản lý thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư.

- Hoàn thiện cơ chế phân cấp đầu tư, phân bổ nguồn vốn, phát huy tính chủ động, sáng tạo và sử dụng hiệu quả, đề cao trách nhiệm và có chế tài mạnh đối với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương, nhất là người đứng đầu trong các quyết định đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, bảo đảm quản lý theo đúng quy định.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp quản lý hiện đại trong tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội.

2.3. Đối với nguồn tài lực

- Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan, tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước ở tất cả các cấp, các ngành. Nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tập trung chống thất thu, chuyển giá và nợ đọng thuế. Giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp; không ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, đề án khi không cân đối được nguồn; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.

- Thực hiện theo quy định đối với việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường thúc đẩy xã hội hóa, cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập.

- Từng bước cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư hợp lý gắn với đổi mới mạnh mẽ khu vực sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ, tinh giản bộ máy, biên chế, thực hiện cải cách tiền lương; nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong các lĩnh vực chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển. Cơ cấu lại chi ngân sách trong từng lĩnh vực, tập trung vào các dịch vụ thiết yếu, ngân sách nhà nước phải đảm bảo, hỗ trợ.

- Thực hiện nghiêm việc vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước phải theo quy định và trên nguyên tắc chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên. Kiểm soát chặt chẽ nợ công hàng năm theo quy định; đảm bảo dư địa phòng cho các rủi ro tiềm ẩn; thực hiện tái cơ cấu nợ công nhằm giảm thiểu các rủi ro về kỳ hạn trả nợ, rủi ro tái cấp vốn, thanh khoản, tỷ giá, lãi suất, tín dụng; bảo đảm trả nợ đầy đủ, đúng hạn. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay, từng bước thu hẹp phạm vi sử dụng nợ công, chỉ tập trung cho các công trình, dự án trọng điểm, thực sự có hiệu quả, đảm bảo khả năng cân đối nguồn trả nợ.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công, khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công, đặc biệt là đất đai, tài nguyên, tài sản tại khu vực sự nghiệp công, tài sản kết cấu hạ tầng theo đúng quy định.

- Nghiên cứu xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công của Thành phố theo đúng quy định. Phối hợp triển khai vận hành hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công; phối hợp mở rộng, nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; rà soát, đề xuất hoàn thiện chính sách tài chính về đất đai, khai thác tài nguyên thiên nhiên.

- Thực hiện theo quy định về nguồn thu từ cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương trong lĩnh vực ngân hàng về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025; phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn Thủ đô...

- Thực hiện các giải pháp đồng bộ, thiết thực, hiệu quả đảm bảo nguồn thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định; quản lý tốt nguồn thu, quyết liệt thực hiện giảm nợ BHXH, BHYT; kiểm soát dự toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

- Nâng cao năng lực quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm; thực hiện hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực bảo hiểm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp trọng tâm của Kế hoạch, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của Thành phố khẩn trương xây dựng kế hoạch, đề án công tác và triển khai thực hiện:

1. Ban Thường vụ Thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác phổ biến, quán triệt, tổ chức thực hiện, công tác kiểm tra. Định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 39 của Bộ Chính trị. Lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành Thành phố, các địa phương thực hiện nghiêm túc Kế hoạch của Ban Thường vụ Thành ủy.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố chỉ đạo cụ thể hóa nội dung Kế hoạch vào các nghị quyết chuyên đề, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách hàng năm và tổ chức giám sát việc thực hiện.

3. Ban cán sự đảng UBND Thành phố căn cứ Kế hoạch của Ban Thường vụ Thành ủy, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt và triển khai Nghị quyết số 39 của Bộ Chính trị trên địa bàn Thành phố. Xây dựng kế hoạch, các đề án, dự án đầu tư với lộ trình và phân công cụ thể trách nhiệm cho các tổ chức, đơn vị, chủ động đề xuất cơ chế, chính sách bảo đảm thực hiện Kế hoạch có kết quả. Theo dõi, đôn đốc thực hiện, định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; rà soát, cập nhật về thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực của Thành phố, báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy.

4. Đảng đoàn MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố căn cứ nội dung Kế hoạch xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; tích cực phối hợp công tác tuyên truyền phổ biến, vận động các tổ chức, cơ quan, đơn vị và Nhân dân thực hiện, đồng thời chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát việc thực hiện Kế hoạch.

5. Các ban Đảng, Văn phòng Thành ủy căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch ở các cấp, các ngành, đoàn thể Thành phố. Văn phòng Thành ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy.

6. Các cấp ủy trực thuộc Thành ủy và các sở, ban, ngành Thành phố tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu rộng, xây dựng kế hoạch, đề án, chuyên đề công tác để tổ chức thực hiện Nghị quyết số 39 phù hợp với thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị. Người đứng đầu cấp ủy trực thuộc Thành ủy và lãnh đạo các sở, ban, ngành Thành phố chịu trách nhiệm trước Thành ủy, UBND Thành phố về việc triển khai thực hiện ở địa phương, đơn vị mình phụ trách; định kỳ báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Thành ủy./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương Đảng; (để b/c)
- Đ/c Vương Đình Huệ, UVBCT, Bí thư Thành ủy;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đảng đoàn HĐND Thành phố;
- Ban cán sự đảng UBND Thành phố;
- MTTQ và các tổ chức CT-XH TP;
- Các ban Đảng và VP Thành ủy;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Các cấp ủy trực thuộc TU;
- Các đồng chí Thành ủy viên;
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Ngô Thị Thanh Hằng